

Số: 79/2024/QĐST- HNGĐ

Văn Bàn, ngày 20 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 104/2024/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Tùng D, sinh năm 1986.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân Phố số 2, thị trấn KY, huyện V B, tỉnh L C.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Lan A, sinh năm 1985.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân Phố số 2, thị trấn KY, huyện V B, tỉnh L C.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, khoản 1 Điều 57; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 08 tháng 11 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 11 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Tùng D và chị Phạm Thị Lan Anh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Tùng D và chị Phạm Thị Lan A.

- Quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Tùng D và chị Phạm Thị Lan A chấm dứt kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật

+ Về con: Chị Phạm Thị Lan A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục cháu **Trần Hà L**, sinh ngày 29/11/2010, cháu **Trần Thảo Ch**, sinh ngày 05/01/2015 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Trần Tùng D có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng **chị Phạm Thị Lan A** theo định kỳ nuôi **cháu Trần Hà L**, **cháu Trần Thảo Ch** mỗi tháng 2.500.000đ/mỗitháng/mỗicháu, tổng cộng là 5.000.000/02 cháu/tháng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

+ Về án phí:

Anh Trần Tùng D nhận chịu toàn bộ 150.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000đ tiền án phí cấp dưỡng theo định kỳ. Tổng cộng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhđng đđợc khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004126 ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Ch cục thi hành án dân sự huyện Văn Bàn. **Anh Trần Tùng D** đã nộp đủ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Chị Phạm Thị Lan Anh không phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai (01);
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn (02);
- Nguyên đơn: **Anh Trần Tùng D** (01);
- Bị đơn: **Chị Phạm Thị Lan Anh**(01);
- Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn(01);
- UBND **thị trấn Khánh Yên**(01);
- Lưu VP. TAND(02);
- Lưu Hồ sơ(02);

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Lụa

